

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/HS-ST
Ngày 08 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Điện;
Ông Huỳnh Mẫn Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Bảo Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/2019/HSST-QĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh năm 1989, nơi sinh: huyện P, tỉnh H; nơi cư trú: ấp 3, xã M, huyện P, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Lê Thị Diễm K (đã ly hôn) và 02 người con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012); tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; bị bắt tạm giam theo Lệnh truy nã từ ngày 09 tháng 8 năm 2019 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Minh K, Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; địa chỉ: Số 02, đường N, khu vực 4, phường 5, thành phố V, tỉnh H. Có mặt.

- Bị hại: Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Trần Quốc T, sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện P, tỉnh H. Vắng mặt.

2. Lê Văn T1, sinh năm 1953

Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện P, tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2017, Trần Quốc T đến nhà Nguyễn Văn D chơi. Trong lúc nói chuyện, D bảo T kiểm dớn cũ về bán cho D với giá mỗi cái là 50.000đ, T nói dớn ở đâu mà có, D nói bên cạnh nhà bà Trương Thị C có thì T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ ngày 21 tháng 10 năm 2017, T bơi xuồng đến khu vực ấp 6, xã M, huyện P dùng dao Thái Lan cắt lấy trộm 21 cái đuôi dớn của ông Nguyễn Hoàng K đang đặt dưới ruộng. Sau khi lấy trộm được tài sản, T đem về bán cho D với giá mỗi cái là 50.000đ, nhưng D chưa trả tiền cho T.

Đến ngày 22 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Hoàng K đi thăm dớn thì phát hiện bị mất 21 cái đuôi dớn, ông K đi tìm thì phát hiện 21 cái đuôi dớn đang được đặt trên phần đất của D nên đã trình báo Công an xã H, huyện P.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 31/HĐĐGTS ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, kết luận giá trị tài sản T và D chiếm đoạt là 2.593.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2018/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang đã xử phạt Trần Quốc T 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Riêng Nguyễn Văn D bỏ đi khỏi địa phương nên bị truy nã và bị bắt theo Lệnh truy nã ngày 09 tháng 8 năm 2019.

Vật chứng thu giữ trong vụ án đã được trao trả cho chủ sở hữu xong.

Tại Cáo trạng số 41/CT-VKS-HPH ngày 26 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo nội dung của Cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

1. Về căn cứ pháp luật và mức hình phạt đối với bị cáo: Áp dụng khoản 1 Điều 138, Điều 33, các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về vật chứng: Không có, đề nghị không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu, đồng thời yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại thừa nhận đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bồi thường; về trách nhiệm hình sự: Yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; là lao động chính nuôi 02 con nhỏ; trình độ học vấn thấp; gia đình thuộc diện hộ nghèo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định các điểm g, h, p khoản 1 và 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, cho bị cáo hưởng mức hình phạt dưới khung theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với các tình tiết của vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Từ đó đã có cơ sở kết luận:

Vào ngày 16 tháng 10 năm 2017, bị cáo đã xúi giục Trần Quốc T trộm dớn cũ về bán cho mình với giá mỗi cái là 50.000đ và được T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ ngày 21 tháng 10 năm 2017, T bơi xuống đến khu vực ấp 6, xã M, huyện P dùng dao Thái Lan cắt lấy trộm 21 cái đuôi dớn của ông Nguyễn Hoàng K đang đặt dưới ruộng rồi đem về bán cho bị cáo với giá mỗi cái là 50.000đ, nhưng bị cáo chưa trả tiền cho T.

Hành vi trên của bị cáo là xúi giục đồng phạm Trần Quốc T cố ý trực tiếp chiếm hữu trái phép tài sản của bị hại để bán lại cho mình, nhằm tạo cho mình khả năng định đoạt tài sản đã chiếm hữu trái phép một cách lén lút; tài sản bị cáo và đồng phạm chiếm đoạt có giá trị là 2.593.000đ; bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về mọi hành vi phạm tội; hành vi của bị cáo diễn ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Do đó, hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với vai trò đồng phạm, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là có yếu tố đồng phạm, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc cụ thể, không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người xúi giục đồng phạm Trần Quốc T lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, hứa hẹn trước sẽ mua lại tài sản do đồng phạm chiếm đoạt trái phép, nhằm mục đích định đoạt tài sản thuộc sở hữu của người khác một

cách lén lút. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến an ninh trật tự tại địa phương; bị cáo là người đã thành niên, đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn bất chấp chế tài của pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; có nhân thân tốt, được chứng minh bằng việc bị cáo chưa từng có tiền án, tiền sự hay bị xử lý kỷ luật; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và đang là lao động chính nuôi 02 con nhỏ. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[6] Từ những phân tích trên, xét ý kiến tranh luận của người bào chữa, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tuy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện để được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Nhưng, xét bị cáo phạm tội có tính chất, mức độ cao hơn đồng phạm với vai trò là người xúi giục; quá trình điều tra, bị cáo bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, chứng minh ý thức của bị cáo là xem thường chế tài của pháp luật. Do đó, không thể cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như lời đề nghị của người bào chữa. Tuy nhiên, cũng cần xem xét cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại đã nhận lại tài sản xong và không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về vật chứng: Đã trao trả cho chủ sở hữu xong nên không đặt ra xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, Điều 33, các điểm g, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 09 tháng 8 năm 2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không yêu cầu, không xem xét.

3. Về vật chứng: Đã trao trả cho chủ sở hữu xong, không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Nguyễn Văn D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Công an huyện Phụng Hiệp (03 bản: VP, CQĐT, THAHS);
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng